

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2017/DS-ST

Ngày: 07- 9 -2017.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Dũng;

2. Bà Trần Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp 4, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1973(vắng mặt)

2.2 Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1977(vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp 3, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Bà **Lê Thị Ngọc T**, sinh năm 1975(có mặt).

3.2 Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1994(có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp 4, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2017, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 16/01/2013, ông cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị P vay số tiền 1.700.000.000 đồng, khi vay không nhận thế chấp tài sản, có làm giấy mượn tiền do ông D viết, vợ chồng ông D, bà P cùng ông có ký tên, có thỏa thuận thời hạn trả nợ là 06 tháng từ ngày 16/01/2013 đến ngày 16/7/2013 và lãi suất thỏa thuận miệng là theo lãi suất của Ngân hàng. Vì vợ chồng ông không có tiền nên phải vay tiền của Ngân hàng Công thương để lấy tiền cho vợ chồng ông D, bà P vay lại. Tiền lãi sẽ do vợ chồng ông D, bà P trả cho Ngân hàng Công thương. Ông D và bà P trả lãi cho Ngân hàng khoảng được 01 năm thì không trả nữa. Đến hạn trả ông đến nhà vợ chồng ông D, bà P đòi tiền nhiều lần nhưng ông D, bà P có hứa hẹn mà không trả. Nay, ông khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị P trả số tiền 1.700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 6 năm 2017, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông thừa nhận vợ chồng ông có vay tiền của vợ chồng ông T, bà T số tiền 1.700.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi bằng miệng là theo lãi suất ngân hàng (vì ông T, bà T vay tiền của Ngân hàng Công thương về cho vợ chồng ông vay lại), không thế chấp tài sản, có thỏa thuận thời hạn trả nợ là 06 tháng tính từ ngày 16/01/2013 đến ngày 16/7/2013. Về tiền lãi, vợ chồng ông có trả lãi cho Ngân hàng khoảng được 01 năm, còn cụ thể đã đóng bao nhiêu tiền lãi thì ông không nhớ, về tiền lãi đã đóng ông không yêu cầu căn cứ lại. Do việc làm ăn thất bại nên vợ chồng ông chưa có trả tiền nợ gốc cho ông T, bà T. Nay, vợ chồng ông T, bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 1.700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi ông đồng ý, nhưng với điều kiện chị T (con của ông T, bà T) phải sang nhượng số vốn góp 2.500.000.000 đồng, tỷ lệ vốn góp 25% trong Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ Thùy L cho vợ chồng ông T và bà T đứng tên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 6 năm 2017, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị P trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn D, vợ chồng bà có vay của vợ chồng ông T, bà T số tiền 1.700.000.000 đồng, do làm thất bại nên vợ chồng bà chưa có tiền trả, việc vợ chồng ông T, bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 1.700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, bà đồng ý trả nợ nhưng bà yêu cầu chị T phải sang nhượng lại 2.500.000.000 đồng, tỷ lệ vốn góp 25% cho vợ chồng ông T, bà T đứng tên như yêu cầu của ông D.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 7 năm 2017, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc T trình bày:

Vợ chồng bà cho vợ chồng ông D, bà P vay tiền nhiều lần trong đó có số tiền vay 1.700.000.000 đồng. Nay, bà yêu cầu ông D, bà P trả cho vợ chồng bà số tiền 1.700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Việc ông D, bà P yêu cầu chị T phải sang nhượng lại số vốn góp 2.500.000.000 đồng trong Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ Thùy L cho bà và ông T đứng tên, bà không đồng ý. Vì vào ngày 20/3/2014, bà có cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ Thùy L (do ông D làm giám đốc) vay số tiền 4.865.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng từ ngày đến ngày 20/9/2014, bà đã giao số tiền 01 lần ngày 20/3/2014. Hai bên có thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Vì tài sản nhà ông D, bà P không còn gì để bảo đảm nên ông D có đưa chị T là con gái bà vào đứng tên góp vốn trong Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ Thùy L với số vốn góp 2.500.000.000 đồng, tỷ lệ vốn góp 25% và Công ty trách nhiệm hữu hạn Trần Kim Ngân Quốc D số vốn góp 800.000.000 đồng, tỷ lệ vốn góp 80% để đảm bảo cho khoản vay 4.865.000.000 đồng. Riêng về số tiền vay 1.700.000.000 đồng, ông D, bà P vay với tư cách cá nhân, không liên quan đến 02 công ty do ông D làm giám đốc.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 6 năm 2017, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị có đứng tên góp vốn trong Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ Thùy L với số vốn góp 2.500.000.000 đồng, tỷ lệ vốn góp 25% và Công ty trách nhiệm hữu hạn Trần Kim Ngân Quốc D số vốn góp 800.000.000 đồng, tỷ lệ vốn góp 80%, cả 02 công ty trên đều do ông Nguyễn Văn D làm giám đốc, tuy nhiên việc chị đứng tên vốn góp là để đảm bảo cho khoản vay 4.865.000.000 đồng mà công ty của ông D vay của bà T, không liên quan đến khoản vay 1.700.000.000 đồng đang tranh chấp trong vụ án này.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị P đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà P.

+ Về nội dung: Căn cứ điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Ngọc T: Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị P trả cho ông T, bà T số tiền 1.700.000.000 đồng, ghi nhận ông T, bà T không yêu cầu tính lãi. Về án phí: Ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà P.

[2] Vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T và vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị P đều thừa nhận ngày 16/01/2013 vợ chồng ông D, bà P có vay của vợ chồng ông T, bà T số tiền 1.700.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 16/01/2013 đến ngày 16/7/2013, có làm giấy tay do ông D viết, ông D, bà P, ông T cùng ký tên, ông D, bà P không thể chấp tài sản. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định ngày 16/01/2013, ông Nguyễn Văn D, bà Trần Thị P có vay của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T số tiền 1.700.000.000 đồng.

[3] Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị P trả số tiền 1.700.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, ông D, bà P thừa nhận chưa trả được số tiền gốc nào và đồng ý trả số tiền 1.700.000.000 đồng cho ông T, bà T với điều kiện là chị Nguyễn Thị Thanh T phải sang nhượng lại cho

ông T, bà T số vốn góp 2.500.000.000 đồng trong Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ Thùy L do ông D làm giám đốc. Tuy nhiên, ông T, bà T và chị T không đồng ý. Mặt khác, số tiền vốn góp 2.500.000.000 đồng của chị T vào Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ Thùy L không liên quan đến số tiền mà ông D, bà P vay của ông T, bà T. Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ Thùy L do ông D làm Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc là pháp nhân được thành lập hợp pháp có tài sản độc lập với tài sản của ông D, bà P nên điều kiện của ông D, bà P là không có cơ sở. Do đó, cần buộc vợ chồng ông D, bà P trả cho ông T, bà T số tiền vay gốc là 1.700.000.000 đồng, ghi nhận ông T, bà T không yêu cầu tính lãi.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của ông T, bà T được chấp nhận nên ông D và bà P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 305; Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Ngọc T đối với ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị P có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T số tiền 1.700.000.000 (một tỷ bảy trăm triệu) đồng. Ghi nhận ông T, bà T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Ngọc T cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị P phải chịu 63.000.000 (sáu mươi ba triệu) đồng án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Ngọc T không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 31.500.000 (ba mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng ông T đã nộp theo biên lai thu số: 0024225 ngày 09/5/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Ngọc T, chị Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị P được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Thị Xuân Lan